

PHỤ LỤC 01
HIỆN TRẠNG VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ VỤ BẢN

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vụ Bản)

STT		Hiện trạng thôn					Sau sắp xếp thôn						Ghi chú
		Tên thôn	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Số người HDKCT ở thôn	Số người hoạt động trực tiếp ở thôn	Tên gọi của thôn	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Tỷ lệ hộ gia đình so với tiêu chuẩn (%)	Số người HDKCT ở thôn	Số người hoạt động trực tiếp ở thôn	
	Tổng cộng		7.229	26.213	68	108		7.229	26.213		30	60	
1		Tiên Hương 4	191	677	2	3	Tiên Hương	1.185	3.982	296,25	3	6	
2		Tiên Hương 5	187	655	2	3							
3		Tiên Hương 6	252	826	2	3							
4		Tiên Hương 7	182	597	2	3							
5		Tiên Hương 8	214	710	2	3							
6		Tiên Hương 9	159	517	2	3							
7		Mới	99	395	3	3	Kim Thái	554	2.062	138,5	3	6	
8		Pheo Tiên	203	781	3	3							
9		Cầu Uông	252	886	3	3							
10		Vân Cát 1	176	593	2	3	Vân Cát	552	1.820	138	3	6	
11		Vân Cát 2	181	545	2	3							
12		Vân Cát 3	195	682	2	3							
13		Đông	221	877	3	3	Xuân Bảng	723	2.842	180,75	3	6	
14		Tây	291	1.136	2	2							
15		Tân Phương	211	829	2	2							
16		Dư Duệ	488	1.714	3	4	Tam Thanh	876	3.148	219	3	6	
17		Phú Thứ	388	1.434	3	5							
18		An Lạc	292	1.082	3	4	An Lạc	558	1.942	139,5	3	6	
19		Tiền	266	860	3	4							

STT	Hiện trạng thôn					Sau sắp xếp thôn						Ghi chú
	Tên thôn	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Số người HĐKCT ở thôn	Số người hoạt động trực tiếp ở thôn	Tên gọi của thôn	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu	Tỷ lệ hộ gia đình so với tiêu chuẩn (%)	Số người HĐKCT ở thôn	Số người hoạt động trực tiếp ở thôn	
20	Tây Côi Sơn	349	1.202	2	5	Côi Sơn	579	2.021	144,75	3	6	
21	Đông Côi Sơn	230	819	2	5							
22	Văn Côi	399	1.493	2	5	Văn Côi	677	2.545	169,25	3	6	
23	Non Côi	278	1.052	2	5							
24	Phú Quảng	371	1.300	3	5	Trần Huy Liệu	684	2.449	171	3	6	
25	Trần Huy Liệu	183	724	2	5							
26	Lê Xá	130	425	3	3							
27	Vân Côi	209	800	2	5	Mỹ Côi	841	3.402	210,25	3	6	
28	Mỹ Côi	415	1.755	2	5							
29	Lương Thế Vinh	217	847	2	5							